

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 20-03-2020.

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh.

Ông Nguyễn Thái Hòa.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thế Mạnh – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Thông – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 03 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1690/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/02/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04/03/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị X, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: 50/9 tổ 9, khu phố Đ, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Thanh L1, sinh năm 1989.

Nơi cư trú: 286 khu Đình, ấp A, xã H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Chị X có mặt, anh L vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/4/2019, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Phạm Thị X trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Thanh L tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố B, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 64, quyền 01/2010 ngày 25/11/2010.

Thời gian đầu vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến khi chị có thai thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn dẫn đến hai bên đánh nhau nên chị đã về nhà cha mẹ sống. Sau khi sinh con xong vì không muốn con thiếu tình thương của cha nên chị đã tha thứ cho anh L để vợ chồng cùng chăm sóc con. Tuy nhiên, khi mang thai con thứ 2 thì vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn, anh L tiếp tục đánh chị. Mặc dù chị đã nhiều lần tha thứ và bỏ qua cho anh L nhưng anh L vẫn chứng nào tật nấy. Nay chị làm đơn này yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Thanh L vì tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung tên Lê Thanh S, sinh ngày 22/11/2011 và Lê Thành T, sinh ngày 28/8/2016. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bổ sung ngày 13/12/2019, chị Phạm Thị X thay đổi ý kiến về việc không yêu cầu anh Lê Thanh L phải cấp dưỡng nuôi con. Các ý kiến khác chị vẫn giữ nguyên.

Tại bản tự khai ngày 25/12/2019, anh Lê Thanh L trình bày: Anh thống nhất về thời gian đăng ký kết hôn, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như chị Phạm Thị X trình bày là đúng. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, tính tình không hợp nên chị X làm đơn ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung tên Lê Thanh S, sinh ngày 22/11/2011 và Lê Thành T, sinh ngày 28/8/2016. Khi ly hôn, anh đồng ý giao cháu S, cháu T cho chị X nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng thì anh và chị X sẽ tự thỏa thuận với nhau.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh bận công việc nên không có thời gian để đến Tòa giải quyết vụ án nên anh xin được vắng mặt tại các buổi làm việc, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử của Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thụ lý và giải quyết vụ án trong thời hạn luật định. Xác định đúng tư cách đương sự.

- Việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự: Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật.

- Về đường lối giải quyết vụ án:

Về yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị X thì căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đồng thời anh Lê Thanh L có văn bản đồng ý ly hôn nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị X.

Về nuôi con chung: Vợ chồng chị Phạm Thị X, anh Lê Thanh L có 02 con chung tên Lê Thanh S, sinh ngày 22/11/2011 và Lê Thành T, sinh ngày 28/8/2016. Khi ly hôn chị X có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và tạm thời không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con.

Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị X, giao cháu Lê Thanh S và Lê Thành T cho chị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng vì cháu S có nguyện vọng được ở với chị X, đồng thời anh L cũng đồng ý giao cháu S, T cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng. Về yêu cầu cấp dưỡng do chị Phạm Thị X không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị X khởi kiện yêu cầu được ly hôn và tranh chấp về nuôi con với anh Lê Thanh L, đồng thời qua xác minh anh Lê Thanh L có đăng ký tạm trú và sinh sống tại ấp A, xã L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Do đó, căn cứ các Điều 28, 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Anh Lê Thanh L là bị đơn trong vụ án có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án không tiến hành hòa giải được, do đó căn cứ vào các Điều 207, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị X và anh Lê Thanh L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố B, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 64, quyền 01/2010 ngày 25/11/2010 nên công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo trình bày của chị Phạm Thị X thì nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Lê Thanh L có nhiều mâu thuẫn, ngoài ra anh L còn có hành vi đánh chị. Mặc dù chị đã nhiều lần tha thứ, bỏ qua cho anh L nhưng anh L vẫn chứng nào tật nấy. Do đó, chị làm đơn yêu cầu giải quyết được ly hôn với anh L vì tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được

Về phần anh Lê Thanh L cũng có văn bản thể hiện việc đồng ý ly hôn với chị Phạm Thị X do mâu thuẫn vợ chồng, không hợp nhau nên Tòa án ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị X với anh L, giải quyết cho chị Phạm Thị X được ly hôn với anh Lê Thanh L.

[3] Về nuôi con chung: Vợ chồng chị Phạm Thị X, anh Lê Thanh L có 02 con chung tên Lê Thanh S, sinh ngày 22/11/2011 và Lê Thành T, sinh ngày 28/8/2016. Khi ly hôn chị X có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và tạm thời không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con.

Đối với yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung thì tại bản tự khai ngày 25/12/2019, anh Lê Thanh L cũng đồng ý giao cháu S, T cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng và anh L sẽ thỏa thuận việc cấp dưỡng với chị X. Ngoài ra, tại bản tự khai ngày 21/8/2019, cháu Lê Thanh S cũng có nguyện vọng được ở với chị X. Do đó, Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận về việc giao cháu Lê Thanh S, Lê Thành T cho chị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng, do chị Phạm Thị X không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn, anh Lê Thanh L được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về chia tài sản: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị X phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thành phố Biên Hòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 và Điều 147, 207, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, 10, 11, 12 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 5, 8, 9, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 27; tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị X được ly hôn với anh Lê Thanh L.
2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Lê Thanh S, sinh ngày 22/11/2011 và Lê Thành T, sinh ngày 28/8/2016 cho chị Phạm Thị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời anh Lê Thanh L không phải cấp dưỡng nuôi con.
Anh Lê Thanh L được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.
Vì quyền lợi của các con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng.
3. Về chia tài sản: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.
4. Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.
5. Về án phí sơ thẩm: Chị Phạm Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0008833 ngày 15/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Chị Phạm Thị X đã nộp xong.
6. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Phạm Thị X được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật. Riêng anh Lê Thanh L vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự (02);
- Tòa án nhân dân tỉnh (01);
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa (01);
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa (01);
- Ủy ban nhân dân xã L, thành phố Biên Hòa (01);
- Lưu hồ sơ, Văn phòng (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Anh Đức

